

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ DĨ AN  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 122/2022/HNGĐ-ST  
Ngày 15 - 7 - 2022.  
V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Vũ Linh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Hoàn

2. Ông Tô Văn Nhung.

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Ngọc Mai - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa:***  
Ông Nguyễn Ngọc Vương - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 270/2022/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2022 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 136/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 17/6/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1976; thường trú: Số 110/35 khu phố A, phường H, thành phố K, tỉnh Bình Dương

Bị đơn: Ông Thi Thanh H, sinh năm 1971; thường trú: Số 110/35 khu phố A, phường H, thành phố K, tỉnh Bình Dương.

(Bà L, ông H có yêu cầu xét xử vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 12 tháng 4 năm 2022 và quá trình tố tụng nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:*

***- Về quan hệ hôn nhân:*** Bà và ông Thi Thanh H tự tìm hiểu yêu thương nhau sau đó về chung sống với nhau, vợ chồng làm chứng nhận kết hôn tại UBND xã Hòa Khánh Nam, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An (giấy chứng nhận kết hôn số 47/HT - 2007, quyền số 01 ngày 23/7/2007). Từ khi về chung sống vợ chồng sống

hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng tính tình bất hòa, thường xuyên cãi nhau. Tháng 2/2022 bà đã khởi kiện ly hôn ông H ra Tòa án thành phố K giải quyết, sau đó bà rút đơn khởi kiện để vợ chồng về chung sống nuôi con nhưng vợ chồng vẫn không hàn gắn được tình cảm. Thời gian gần đây ông H quen biết tình cảm với người phụ nữ khác. Nay tình cảm giữa bà và ông H không còn bà yêu cầu được ly hôn ông H.

*Về nuôi con chung:* Bà L và ông H có 02 con chung tên Thi Thị Kiều T, sinh ngày 20/2/1998 và Thi Nguyễn Kiều T, sinh ngày 30/10/2003. Các con chung đã trên 18 tuổi bà L không yêu cầu giải quyết.

- *Tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản:* Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại bản tự khai ngày 27 tháng 5 năm 2022 ông Thi Thanh H trình bày:* Năm 1997 ông và bà Nguyễn Thị L quen biết, yêu thương nhau sau đó tiến đến hôn nhân, vợ chồng đăng ký kết hôn tại UBND xã Hòa Khánh Nam, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An (theo giấy chứng nhận kết hôn số 47/HT2007, quyển số 01 ngày 23/7/2007). Ông và bà L có 02 con chung tên Thi Thị Kiều T, sinh năm 1998 và Thi Nguyễn Kiều T, sinh năm 2003. Về mâu thuẫn vợ chồng, do ông nhắn tin trên Facebook với người bạn cũ, tình cảm có sâu nặng do vậy dẫn đến mâu thuẫn với bà L do hiểu lầm. Về tình cảm ông mong muốn bà L cho ông cơ hội để vợ chồng đoàn tụ.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã được thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự, tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Sự chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và các quy định pháp luật liên quan. Nguyên đơn, bị đơn có bản tự khai, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án nhận thấy, tình trạng hôn nhân giữa bà L và ông H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình, bà L làm đơn yêu cầu ly hôn với ông H là có căn cứ chấp nhận. Về nuôi con chung, tài sản chung và nghĩa vụ bà L không yêu cầu giải quyết. Vì vậy, không đề cập giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được công khai tại phiên tòa, Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L, bị đơn ông Thi Thanh H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227 và 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 Tòa án xét xử vắng mặt bà L, ông H.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Nguyễn Thị L và ông Thi Thanh H tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã Hòa Khánh Nam, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An theo giấy chứng nhận kết hôn số 47/HT2007, quyển số 01 ngày 23/7/2007. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà L, ông H hợp pháp.

[3] *Về nội dung yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị L*: Qua trình bày của bà L thể hiện giữa bà L và ông H trong quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, tháng 02/2022 bà L có đơn khởi kiện ly hôn, sau đó bà rút đơn để vợ chồng về đoàn tụ nhưng sau đó tình cảm vợ chồng không hòa hợp được. Xét, mục đích của hôn nhân nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc, để đạt được mục đích trên vợ chồng phải thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ và tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt. Qua yêu cầu của bà L, trình bày của ông H thể hiện hôn nhân giữa bà L và ông H không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của bà L là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] *Về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con*: Bà L và ông H có 02 con chung tên Thi Thị Kiều T, sinh ngày 20/2/1998 và Thi Nguyễn Kiều T, sinh ngày 30/10/2003. Hiện các con chung đã trên 18 tuổi, bà L, ông H không có yêu cầu giải quyết, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản*: Bà L, ông H không có yêu cầu giải quyết, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Đối với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Dĩ An phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử. Do vậy, được chấp nhận.

[7] *Về án phí Hôn nhân sơ thẩm*: Bà L phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 4 Điều 147, Điều 271, 273, 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Chấp nhận yêu cầu khởi kiện tranh chấp ly hôn, nuôi con của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L đối với bị đơn ông Thi Thanh H.*

1.1 *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Nguyễn Thị L được ly hôn ông Thi Thanh H theo giấy chứng nhận kết hôn số 47/HT2007, quyển số 01 cấp ngày 23/7/2007 tại UBND xã Hòa Khánh Nam, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

1.2 *Về nuôi con chung*: Bà Nguyễn Thị L và ông Thi Thanh H có 02 con chung tên Thi Thị Kiều T, sinh ngày 20/2/1998 và Thi Nguyễn Kiều T, sinh ngày

30/10/2003. Hiện các con đã trên 18 tuổi, bà L và ông H không có yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

1.3 *Tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản*: Bà Nguyễn Thị L và ông Thi Thanh H không có yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

2. *Về án phí*: Bà Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0003752 ngày 21 tháng 4 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự Thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Bà Nguyễn Thị L và ông Thi Thanh H vắng mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết

***Nơi nhận:***

- Đương sự (2);
- VKSND TP Dĩ An (1);
- CC THADS TP Dĩ An (1);
- TAND tỉnh Bình Dương (1);
- UBND xã Hoà Khánh Nam (1);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (2).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Vũ Linh**

